TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST Ngày: 24-01-2018 V/v:ly hôn giữa bà P và ông T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Quan

Bà Huỳnh Thị Thuận

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Đạt -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 24-01-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 17-10-2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04-12-2017, Thông báo hoãn phiên tòa số 92/TB-HPT ngày 19-12-2017, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05-01-2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Hoàng Phi P - sn:1991 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

2.*Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T - sn:1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Phi P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 17-06-2010. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới. Sau khi lấy nhau bà P và ông T về chung sống tại khu phố T, thị trấn Đ. Bà P và ông T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông T không lo làm chăm lo gia đình mà chỉ lo ăn nhậu về gây gỗ, chửi bới bà P và mâu thuẩn về vấn đề tiền bạc và giữa mẹ ông T và bà P, bà P góp ý ông T không nghe dẫn đến mâu thuẩn kéo dài, vợ chồng sống không có hạnh phúc. Mẹ ông T đã đuổi bà P ra khỏi nhà, mâu thuẩn giữa mẹ ông T và bà P gay gắt nhưng ông T lại nghe theo lời của mẹ mình làm mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm, ông T đã đòi lại nhẫn cưới và bà P đã trả cho ông T. Từ tháng 11-2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng có ngồi lại hòa giải nhưng không tự hòa giải được. Nhận thấy giữa bà P và ông T không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà P đề nghị được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà P và ông T có 01 con chung là Nguyễn Minh K sinh ngày 23-09-2012, hiện đang sống cùng bà P. Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ. Bà P hiện đang phụ bán hàng tại chợ L, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đ nhưng không có tài liệu gì để chứng minh.

Về tài sản chung: Bà P và ông T có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-10-2017 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T thống nhất như lời trình bày của bà P về thời gian và điều kiện kết hôn. Theo ông T thì giữa ông T và bà P không có mâu thuẩn vợ chồng nhưng giữa bà P và mẹ ông T có xảy ra một số mâu thuẩn nhỏ, bà P muốn vợ chồng về bên gia đình bà P sinh sống nhưng ông T không đồng ý do ông T là con trai một nên phải có nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ, không thể về bên vợ sống được. Từ tháng 11-2016 vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng có ngồi lại nhưng không tự hòa giải được. Nay bà P yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông T thấy mâu thuẩn vợ chồng không có gì, ông T còn thương vợ con.

Về nuôi con chung: Ông T thống nhất như bà P trình bày. Nếu phải ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, ông T hiện đang làm nghề mộc, công việc không đều, thu nhập theo ngày, mỗi ngày 300.000đ.

Về tài sản chung: Ông T và bà P có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông T không lo làm ăn để lo cho gia đình, ông T thường hay uống rượu và gây gổ chửi bới vợ con, vợ chồng đã sống ly thân và trong thời gian ly thân hai bên cũng không hòa giải để hàn gắn tình cảm với nhau được, vì thế không có cơ hội để chung sống hạnh phúc bên nhau , bà P yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của bà P. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K sinh 23-09-2012, tại phiên hòa giải thì ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà P nuôi dưỡng, thống nhất mức cấp dưỡng là 1. 000. 000đ mỗi tháng cho đến khi con chung trưởng thành nên yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của bà P là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng*: Ông T dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu*:

[3.1]*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà P và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 17-06-2010 (BL 06) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về mâu thuẩn vợ chồng theo bà P thì do ông T không lo làm chăm lo gia đình mà chỉ lo ăn nhậu về gây gỗ, chửi bới bà P và mâu thuẩn về vấn đề tiền bạc và giữa mẹ ông T và bà P, bà P góp ý ông T không nghe dẫn đến mâu thuẩn kéo dài, vợ chồng sống không có hạnh phúc. Mẹ ông T đã đuổi bà P ra khỏi nhà, mâu thuẩn giữa mẹ ông T và bà P gay gắt nhưng ông T lại nghe theo lời của mẹ mình làm mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm, ông T đã đòi lại nhẫn cưới và bà P đã trả cho ông T. Từ tháng 11-2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng có ngồi lại hòa giải nhưng không tự hòa giải được. Nhận thấy giữa bà P và ông T không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà P đề nghị được ly hôn với ông T. Còn theo ông T thì vợ chồng không có mâu thuẩn mà chỉ là mâu thuẩn xảy ra giữa bà P và mẹ ông T, bà P muốn vợ chồng về bên gia đình bà P sinh sống nhưng ông T không đồng ý do ông T là con trai một nên phải có nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ, không thể về bên vợ sống được. Từ tháng 11-2016 vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng có ngồi lại nhưng không tự hòa giải được. Nay bà P yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông T thấy mâu thuẩn vợ chồng không có gì, ông T còn thương vợ con. Qua thực tế xác minh tại địa phương thì địa phương cũng không nắm về mâu thuẩn giữa vợ chồng bà P và ông T nhưng hiện nay vợ chồng không còn chung sống và hai bên có 01 con chung đang sống cùng bà P, nên xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẩn, không tôn trọng và quan tâm lẫn nhau, đã sống ly thân nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà P là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà P là được ly hôn với ông T.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Bà P và ông T có 01 con chung là Nguyễn Minh K sinh ngày 23-09-2012, hiện đang sống cùng bà P (BL 07), hai bên đều thống nhất ly hôn bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ, xét thấy việc thống nhất này không trái với quy định của pháp luật nên căn cứ vào quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]*Về tài sản chung*: Bà P và ông T có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4]*Về nợ chung:* Bà P và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên bà P phải chịu án phí ly hôn và do có trách nhiệm cấp dưỡng nên ông T phải chịu án phí cấp dưỡng được quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]*Về quyền kháng cáo*: Bà P và ông T được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hoàng Phi P đối với ông Nguyễn Minh T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hoàng Phi P được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con chung: Bà P và ông T có 01 con chung là Nguyễn Minh K sinh ngày 23-09-2012, hiện đang sống cùng bà P. Bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu), thời hạn cấp dưỡng đầu tiên tính từ ngày án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn bà P, ông T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà P và ông T có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà P và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Bà P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004515 ngày 17-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà P đã nộp đủ án phí ly hôn.

5.2. Ông T phải chịu 300,000đ (ba trăm ngàn) án phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BRVT;
-VKSND tỉnh BRVT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND nơi ĐKKH;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Ngô Diệp Lai